



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯƠNG LAI

Trụ sở : 181/61/2 Phan Đăng Lưu - Phường 01, Quận Phú Nhuận

VPGD : 76 Đường 20 (Đường M3) KCN Tân Bình mở rộng, Q Bình Tân, TP HCM

Tel: (84-8)62705037 – Fax : 37658476 - MST : 0303750548

Email : phuonglaiplc@gmail.com – Website : http://dien-congngiep.com

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN TỔNG HỢP - 01 / 04/ 2011

(Giá chưa bao gồm thuế VAT)

HÌNH ẢNH PHOTO	MÃ HÀNG Ref.	MÔ TẢ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH DESCRIPTION	GIÁ PRICE (VND)
ĐỒNG HỒ TỬ ĐIỆN VOLT / AMPE 96X96 - RISESUN (TAIWAN)			
	BE-96	Đồng hồ Ampe meter ; kích thước 96x96mm; 50/5A - 5000A/5	105,300
	BE-96	Đồng hồ Volt meter ; kích thước 96x96mm; 0-500V	105,300
CHUYỂN MẠCH VOLT - AMPE - RISESUN (TAIWAN)			
		CHUYỂN MẠCH AMPE 48x60	142,100
		CHUYỂN MẠCH VOLT 48x60	142,100
		CHUYỂN MẠCH AMPE 64x79	142,100
		CHUYỂN MẠCH VOLT 64x79	142,100
ĐỒNG HỒ VOLT, AMPE, HZ, COS, KW; 96X96; CNC (CHINA)/ SFIM(CHINA)			
	YCYP1	Đồng hồ Ampe meter ; kích thước 96x96mm; 50/5A - 5000A/5	70,000
	YCYP1	Đồng hồ Volt meter ; kích thước 96x96mm; 0-500V	70,000
	YCYP1	ĐỒNG HỒ HZ 45 - 65hz 415V	324,200
	YCYP1	ĐỒNG HỒ COS 3P 3W 415V	423,700
	YCYP1	ĐỒNG HỒ KW 3P 3W 415V- (20kw..4000 kw)	677,900
BỘ ĐIỀU KHIỂN TỰ BÙ - JK5CF - WIZ (CHINA)			
	JKL5CF	Bộ điều khiển tự bù 6 cấp, kích thước 113x113, dập lỗi 92x92	817,900
	JKL5CF	Bộ điều khiển tự bù 12 cấp, kích thước 113x113, dập lỗi 92x92	934,700

CÔNG TẮC CHUYỂN MẠCH VOLT - AMPE - WIZ (CHINA)

	LW28	CHUYỂN MẠCH AMPE 48x60 (xanh/trắng)	82,100
	LW28	CHUYỂN MẠCH AMPE 48x60 (xanh/trắng)	82,100
	LW28-20	CHUYỂN MẠCH AMPE 48x60 (đỏ/vàng-thân dài)	92,100
	LW28-20	CHUYỂN MẠCH VOLT 48x60 (đỏ/vàng-thân dài)	92,100
	LW28-20	CHUYỂN MẠCH AMPE 64x79 (đỏ/vàng-thân dài)	108,400
	LW28-20	CHUYỂN MẠCH VOLT 64x79 (đỏ/vàng-thân dài)	108,400

THANH ĐỠ BUSBAR MÀU MÔN - CNC (CHINA)

	EL - 409	THANH ĐỠ BUSBAR (4 rãnh đôi)	131,600
	EL - 295	THANH ĐỠ BUSBAR (4 rãnh đơn)	107,400
	EL - 270	THANH ĐỠ BUSBAR (3 rãnh đôi)	85,800
	EL - 170	THANH ĐỠ BUSBAR (3 rãnh đơn)	41,600

CẦU CHÌ - ĐÈN BÁO - WIZS (CHINA)

	RT18	Cầu chì có đèn 2A, 6A, 10A	14,200
	D22	Đèn báo đỏ, vàng, xanh (Red - Yellow - Blue)	10,000

	D22	Đèn báo X-Blue	21,100
---	-----	----------------	--------

BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG BẰNG QUẦN MR - CNC (CHINA)

	MR-28	MR-28, CLASS1, 5VA; 50/5A	85,800
	MR-42	MR-42, CLASS1, 5VA; 100/5A, 150/5A, 200/5A, 250/5A	85,800
	MR-42	MR-42, CLASS1, 10VA; 300/5A	91,100
	MR-60	MR-60, CLASS1, 10VA; 400/5A	117,900
	MR-60	MR-60, CLASS1, 10VA; 500/5A	120,000
	MR-60	MR-60, CLASS1, 10VA; 600/5A	126,300
	MR-85	MR-85, CLASS1, 10VA; 800/5A	192,100
	MR-85	MR-85, CLASS1, 10VA; 1000/5A	200,000
	MR-85	MR-85, CLASS1, 10VA; 1200/5A	213,700
	MR-85	MR-85, CLASS1, 10VA; 1600/5A	258,900
	MR-125	MR-125, CLASS1, 15VA; 2000/5A	340,000
	MR-125	MR-125, CLASS1, 15VA; 2500/5A	378,900
	MR-125	MR-125, CLASS1, 15VA; 3000/5A	467,400
	MR-125	MR-125, CLASS1, 15VA; 4000/5A	530,500

BIẾN DÒNG BẢO VỆ BẰNG QUẦN PR - CNC (CHINA)

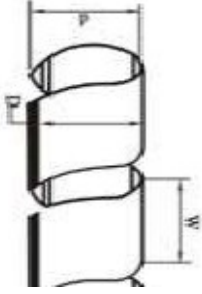
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 100/5A	1,162,100
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 150/5A	978,900
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 200/5A, 250/5A	934,700
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 300/5A	650,500
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 400/5A	618,900
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 500/5A	562,100
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 600/5A	606,300
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 800/5A	612,600
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 1000/5A	578,900
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 1200/5A	592,600
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 1600/5A	606,300
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 2000/5A	606,300
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 2500/5A	636,800

	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 3000/5A	694,700
	PR 5P10	PR 5P10 15VA; 4000/5A	827,400
BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG ĐỂ SẮT RCT - CNC (CHINA) / SFIM (CHINA)			
	RCT-35	RCT-35, CLASS 1, 5VA; 50/5A, 100/5A, 150/5A, 200/5A, 250/5A, 300/5A	78,400
	RCT-59	RCT-59, CLASS 1, 10VA; 400/5A	88,400
	RCT-59	RCT-59, CLASS 1, 10VA; 500/5A	100,500
	RCT-59	RCT-59, CLASS 1, 10VA; 600/5A	103,700
	RCT-90	RCT-90, CLASS 1, 15VA; 800/5A	125,800
	RCT-90	RCT-90, CLASS 1, 15VA; 1000/5A	162,100
	RCT-90	RCT-90, CLASS 1, 15VA; 1200/5A	177,400
	RCT-110	RCT-110, CLASS 1, 15VA; 1600/5A	214,200
	RCT-110	RCT-110, CLASS 1, 15VA; 2000/5A	243,700
	RCT-110	RCT-110, CLASS 1, 15VA; 2500/5A	265,800
	RCT-110	RCT-110, CLASS 1, 15VA; 3000/5A	354,200
	RCT-125	RCT-125, CLASS 1, 15VA; 4000/5A	443,200
BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG VUÔNG MSQ - CNC (CHINA)			
 	MSQ-30	MSQ-30, CLASS 1, 5VA; 50/5A, 100/5A, 150/5A, 200/5A, 250/5A, 300/5A	76,800
	MSQ-40	MSQ-40, CLASS 1, 10VA; 400/5A	85,800
	MSQ-40	MSQ-40, CLASS 1, 10VA; 500/5A	85,800
	MSQ-60	MSQ-60, CLASS 1, 10VA; 600/5A	95,800
	MSQ-60	MSQ-60, CLASS 1, 10VA; 800/5A	180,000
	MSQ-100	MSQ-100, CLASS 1, 15VA; 1000/5A	184,400
	MSQ-100	MSQ-100, CLASS 1, 15VA; 1200/5A	192,100
	MSQ-100	MSQ-100, CLASS 1, 15VA; 1600/5A	199,500
	MSQ-100	MSQ-100, CLASS 1, 15VA; 2000/5A	221,700
	MSQ-100	MSQ-100, CLASS 1, 15VA; 2500/5A	243,700
	MSQ-100	MSQ-100, CLASS 1, 15VA; 3000/5A	280,500

	MSQ-125	MSQ-125, CLASS 1, 15VA; 4000/5A	347,400
CO NHIỆT HẠ THỂ - CNC (CHINA)			
		Co nhiệt phi 8, cuộn 100m	284,200
		Co nhiệt phi 10, cuộn 100m	315,800
		Co nhiệt phi 12, cuộn 100m	421,100
		Co nhiệt phi 16, cuộn 100m	578,900
		Co nhiệt phi 20, cuộn 50m	821,100
		Co nhiệt phi 25, cuộn 50m	947,400
		Co nhiệt phi 30, cuộn 25m	1,684,200
		Co nhiệt phi 35, cuộn 25m	2,105,300
		Co nhiệt phi 40, cuộn 25m	2,263,200
		Co nhiệt phi 50, cuộn 25m	2,789,500
		Co nhiệt phi 60, cuộn 25m	3,789,500
		Co nhiệt phi 70, cuộn 25m	4,421,100
		Co nhiệt phi 80, cuộn 25m	5,684,200
		Co nhiệt phi 90, cuộn 25m	6,684,200
		Co nhiệt phi 120, cuộn 25m	7,842,100
MÁNG NHỰA - 1.7M/THANH - WIZ (CHINA)			
		Máng nhựa 25x25mm	24,200
		Máng nhựa 33x33mm	31,600
		Máng nhựa 33x45mm	37,900
		Máng nhựa 45x55mm	43,200
		Máng nhựa 45x65mm	56,800
		Máng nhựa 65x65mm	69,500
GỐI ĐỖ THANH CÁI SM CNC(CHINA)			
		Gối đỡ SM 25 (cao 25mm)	5,800
		Gối đỡ SM 30 (cao 30mm)	6,300
		Gối đỡ SM 35 (cao 35mm)	6,800

		Gối đỡ SM 40 (cao 40mm)	9,500
		Gối đỡ SM 51 (cao 51mm)	10,000
		Gối đỡ SM 76 (cao 76mm)	17,900

DÂY LÒ XO QUẤN TỦ (CHINA)

 	SWB - 6	SWB - 6 (D=6), bịch 10m	14,900
	SWB - 8	SWB - 8 (D=8), bịch 10m	18,200
	SWB - 10	SWB - 10 (D=10), bịch 10m	25,700
	SWB - 12	SWB - 12 (D=12), bịch 10m	29,500
	SWB - 15	SWB - 15 (D=15), bịch 10m	40,300
	SWB - 19	SWB - 19 (D=19), bịch 10m	62,300
	SWB - 24	SWB - 24 (D=24), bịch 10m	103,200

MIẾNG DÁN (CHINA)

	TM-20	Miếng dán 20x20mm, bịch 100 cái	19,500
	TM-25	Miếng dán 25x25mm, bịch 100 cái	37,700
	TM-30	Miếng dán 30x30mm, bịch 100 cái	48,100
	TM-40	Miếng dán 40x40mm, bịch 100 cái	90,900

ĐẦU COSS BÍT (CHINA)

	SC - 6	SC - 6; LỖ 6 - 8	900
	SC - 10	SC - 10; LỖ 6 - 8	1,300
	SC - 16	SC - 16; LỖ 6 - 8	1,800
	SC - 25	SC - 25; LỖ 8 - 10	2,600
	SC - 35	SC - 35; LỖ 8 - 10	3,900
	SC - 50	SC - 50; LỖ 8 - 10	6,500
	SC - 70	SC - 70; LỖ 10 - 12	10,100
	SC - 95	SC - 95; LỖ 10 - 12	14,900
	SC - 120	SC - 120; LỖ 12 - 14	22,100
	SC - 150	SC - 150; LỖ 12 - 14	28,600
	SC - 185	SC - 185; LỖ 12 - 14	39,000
	SC - 240	SC - 240; LỖ 12 - 14 - 16	59,200

	SC - 300	SC - 300; LỖ - 12 - 14 - 16	88,300
	SC - 400	SC - 400; LỖ - 14 - 16 - 18	135,100
	SC - 500	SC - 500; LỖ - 14 - 16 - 18	166,200
	SC - 630	SC - 630; LỖ - 16 - 18 - 20	276,600

CHỤP COSS BÍT (CHINA)

	V-5.5	V-5.5 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	100
	V-8	V-8 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	100
	V-14	V-14 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	200
	V-22	V-22 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	300
	V-38	V-38 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	400
	V-60	V-60 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	700
	V-80	V-80 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	900
	V-100	V-100 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	1,200
	V-125	V-125 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	1,600
	V-150	V-150 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	2,000
	V-200	V-200 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	2,400
	V-250	V-250 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	3,200
	V-325	V-325 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	3,700
	V-400	V-400 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	4,900
	V-500	V-500 (đỏ xanh vàng đen X Lá)	6,100

DÂY RÚT (CHINA)

	3 X 100	(dày 1.9) trắng & đen, bích 100 sợi	3,600
	4 X 150	(dày 3.0) trắng & đen, bích 100 sợi	11,400
	4 X 200	(dày 3.0) trắng & đen, bích 100 sợi	15,600
	5 X 200	(dày 4.0) trắng & đen, bích 100 sợi	24,200
	5 X 250	(dày 4.0) trắng & đen, bích 100 sợi	31,200
	5 X 300	(dày 4.0) trắng & đen, bích 100 sợi	38,400
	8 X 300	(dày 6.3) trắng & đen, bích 100 sợi	62,300
	8 X 400	(dày 6.3) trắng & đen, bích 100 sợi	70,100
	8 X 500	(dày 6.3) trắng & đen, bích 100 sợi	93,500

ĐẦU LÓT RA DÂY (CHINA)

	PG - 7 = (Ø16)	1,200
	PG - 9 = (Ø18)	1,400
	PG - 11 = (Ø20)	1,800
	PG - 13.5 = (Ø22)	2,100
	PG - 16 = (Ø24)	2,600
	PG - 21 = (Ø30)	3,800
	PG - 25 = (Ø36)	4,200
	PG - 29 = (Ø40)	7,300
	PG - 36 = (Ø46)	12,500
	PG - 42 = (Ø54)	16,900
	PG - 48 = (Ø59)	19,500

COSS CHỮA, COSS TRÒN (CHINA)

	Coss chữa SV-1.25-3Y, SV-1.25-4Y, bịch 100 con	19,500
	Coss chữa SV-2-3Y, SV-2-4Y, bịch 100 con	20,800
	Coss chữa SV-3.5-4Y, SV-3.5-5Y, bịch 100 con	36,400
	Coss chữa SV-5.5-5Y, bịch 100 con	49,400
	Coss tròn SV-1.25-3R, SV-1.25-4R, bịch 100 con	19,500
	Coss tròn SV-2-3R, SV-2-4R, bịch 100 con	20,800
	Coss tròn SV-3.5-4R, SV-3.5-5R, bịch 100 con	36,400
	Coss tròn SV-5.5-5R, bịch 100 con	49,400